

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A, ngày 24 tháng 12 năm 2024

Số: 351/2024/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 338/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa:

*Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Hương T** – Sinh năm: 1997; nơi cư trú: Khu phố D, phường E, thị xã G, tỉnh B.

*Bị đơn:* Anh **Lê Đức N** – Sinh năm: 1993; nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện A, tỉnh B.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 317 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hương T và anh Lê Đức N.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Hương T và anh Lê Đức N thuận tình ly hôn.

2.2. *Về quan hệ con chung:* Chị Nguyễn Thị Hương T và anh Lê Đức N thống nhất có 01 con chung tên: Lê Nguyễn Quỳnh M, sinh ngày 30/6/2017, hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Hương T và anh Lê Đức N

thống nhất giao cháu Lê Nguyễn Quỳnh M, sinh ngày 30/6/2017 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và anh N không cấp dưỡng nuôi con.

*Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.*

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Hương T và anh Lê Đức N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Án phí HNST*: Chị Nguyễn Thị Hương T tự nguyện chịu 150.000<sup>d</sup> (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sung ngân sách Nhà nước. Chị Nguyễn Thị Hương T đã nộp 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005253 ngày 16/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nay được khấu trừ và hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Hương T 150.000<sup>d</sup> (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã C, huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**THẨM PHÁN**

**Cao Văn Đ**